

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST  
Ngày: 23/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Như Long và Ông Trần Lê Luyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút Ngày 23/02/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 28/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 10/02/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đăng Ân**; sinh ngày 29/5/1982, tại xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học v: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Hy Vọng và bà: Lê Thị Huệ; vợ: Trần Thị T; con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” từ ngày 17/12/2021 đến nay tại thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Trần Thị Thu T; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt. (Đồng thời làm người giám hộ cho con gái là chị Trần Lê T Thảo).

+ Cháu Trần Lê T Thảo; sinh năm: **2007**; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Ông Lê Văn N; sinh năm: 1956; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Bà Lê Thị T; sinh năm: 1956; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị T; sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Lê T V; sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay tiền nên vào khoảng 15 giờ ngày 16/6/2021, chị Trần Thị Thu T (tên thường gọi là Nguyễn Thị Tr) sử dụng điện thoại Nokia 105 màu đen với số sim 0822752944 gọi đến số điện thoại 0376095939 của Nguyễn Đăng Â, nói: *“Anh có tiền cho em vay một ít, Â trả lời: Có, vay bao nhiêu?, T nói: Cho em vay 15.000.000 đồng, Â trả lời: Để anh vay đã. Trần Thị Thu T hỏi: Có lấy tiền lãi không, Â trả lời: Lãi 10 ngày lấy 5.000.000 đồng và cắt lãi luôn, nếu mượn 15.000.000 đồng thì chỉ đưa 10.000.000 đồng, đến 10 ngày sau phải trả đủ 15.000.000 đồng”*.

Với thủ đoạn như trên, từ ngày 16/6/2021 đến ngày 28/10/2021, Nguyễn Đăng Â đã ba lần cho chị Trần Thị Thu T vay tổng số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất cao, cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất*, từ ngày 16/6/2021 đến ngày 25/6/2021, chị T vay Nguyễn Đăng Â số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 33,333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 1216,7%/năm, gấp 60,8 lần lãi suất tối đa Nhà nước quy định. Nguyễn Đăng Â đã cắt 5.000.000 đồng tiền lãi trong tổng tiền vay. Trong đó, tiền lãi theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng (20%/năm), tiền lãi vượt quá quy định là 4.917.808 đồng. Ngày 25/6/2021, chị T đã trả đủ 15.000.000 đồng tiền gốc.

*Lần thứ hai*, từ ngày 30/6/2021 đến ngày 11/7/2021, chị T vay Nguyễn Đăng Â số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 33,333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 1216,7%/năm, gấp 60,8 lần lãi suất tối đa nhà nước quy định. Nguyễn Đăng Â đã cắt 5.000.000 đồng trong tổng tiền vay và phạt thêm 1.000.000 đồng tiền lãi chậm. Trong đó, tiền lãi theo quy định Nhà nước là 98.630 đồng (20%/năm), tiền lãi vượt quá quy định là 5.901.370 đồng. Ngày 11/7/2021, chị T đã trả đủ 15.000.000 đồng tiền gốc.

*Lần thứ ba*, ngày 15/8/2021, chị T tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Đăng Â hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng. Lúc này, Â nói với Trần Thị T (vợ Â): *Cho anh vay 20.000.000 đồng anh làm vốn đi buôn bò*. Trần Thị T đồng ý và đưa cho Nguyễn Đăng Â số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Đăng Â đã đưa 15.000.000 đồng cho chị T, thống nhất mức lãi suất như hai lần vay trên và cắt 5.000.000 đồng trong tổng tiền vay.

Do chưa có tiền để trả tiền gốc, nên chị T đã trả tiền lãi cho Nguyễn Đăng Â thêm 07 lần, với tổng số tiền 42.000.000 đồng như sau:

- Ngày 25/8/2021, trả 5.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 30/8/2021, trả 7.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 06/9/2021, trả 8.000.000 đồng tiền lãi.

- Sau những lần trả tiền lãi nói trên, đến sáng ngày 06/9/2021, Nguyễn Đăng Á gọi điện thông báo số tiền chị T đang nợ là 80.000.000 đồng, viết giấy vay tiền và yêu cầu mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến để thế chấp. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chị T đưa cho Nguyễn Đăng Á 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY352909 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ cấp ngày 06/8/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM292954 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ cấp ngày 26/7/2013 đều mang tên Lê Văn Nhân và Lê Thị T (bố mẹ chồng chị T) và trả 2.000.000 đồng tiền lãi.

- Ngày 17/10/2021, trả 5.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 22/10/2021, trả 5.000.000 đồng tiền lãi.
- Ngày 28/10/2021, trả 10.000.000 đồng tiền lãi.

Lúc này, Nguyễn Đăng Á tính số tiền gốc và lãi là 300.000.000 đồng và viết giấy vay tiền yêu cầu chị T ký. Nếu chị T không có tiền trả thì những ngày sau đó chị T phải chịu tiền lãi trên tổng số tiền 300.000.000 đồng nhưng chị T không ký.

Ngày 04/11/2021, Nguyễn Đăng Á gặp chị T tính toán tiền lãi từ ngày 28/10/2021 đến ngày 04/11/2021 là 95.000.000 đồng nhưng Á giảm cho chị T 45.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng cộng vào tiền gốc là 350.000.000 đồng và viết giấy vay nợ nhưng chị T không ký vì cho rằng lãi suất quá cao.

Như vậy, từ ngày 15/8/2021 đến ngày 28/10/2021, chị T vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 41.778 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương 1524,9%/năm, gấp 76,2 lần lãi suất tối đa Nhà nước quy định. Chị T đã trả 47.000.000 đồng tiền lãi trong lần vay này. Trong đó, tiền lãi theo quy định Nhà nước là 616.438 đồng (20%/năm), tiền lãi vượt quá quy định là 46.383.562 đồng và chưa trả tiền gốc.

Tổng cộng ba lần vay số tiền gốc 45.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 33.333 đồng đến 41.778 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất từ 1216,7%/năm đến 1524,9%/năm, gấp 60,8 lần đến 76,2 lần lãi suất tối đa Nhà nước quy định. Nguyễn Đăng Á đã thu 58.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định Nhà nước là 797.260 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 57.202.740 đồng.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-ĐT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Á về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Ân mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đăng Ân số tiền 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

*Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu số tiền gốc 45.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đăng Ân sử dụng cho vay lãi nặng để nộp vào ngân sách nhà nước, trong đó bị cáo Nguyễn Đăng Ân phải nộp 30.000.000 đồng; chị Trần Thị Thu T phải nộp 15.000.000 đồng.

- Truy thu số tiền lãi 797.260 đồng (tương ứng lãi suất 20%/năm) của bị cáo Nguyễn Đăng Ân đã thu lợi để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu số tiền lãi 57.202.740 đồng (vượt quá mức lãi suất 20%/năm) của bị cáo Nguyễn Đăng Ân đã thu lợi để trả lại cho chị Trần Thị Thu T.

- Trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY352909 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 06/8/2015, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM292954 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 26/7/2013 và 01 Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 12282/QĐ-UBND do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 30/12/2016 đều mang tên ông Lê Văn N và bà Lê Thị T.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, Model Play50, màu xanh tím than, số Imei1: 358069241891194, số Imei2: 358069242091190, bên trong có sim số 0376095939.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thu T 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei1: 351671340888158, Imei2: 351671345888153, bên trong có sim số 0822752944.

*Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Đăng Ân phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến hay khiếu nại gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về tố tụng:*

Quá trình tiến hành tố tụng cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội

đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, **người làm chứng** nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

*[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:*

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đăng Á khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/6/2021 đến ngày 28/10/2021 tại thôn V, xã L, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Đăng Á đã ba lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với chị Trần Thị Thu T, tổng số tiền gốc là 45.000.000 đồng, lãi suất từ 33.333 đồng đến 41.778 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất từ 1216,7%/năm đến 1524,9%/năm, gấp 60,8 lần đến 76,2 lần lãi suất tối đa Nhà nước quy định. Nguyễn Đăng Á đã thu lợi 58.000.000 đồng tiền lãi, trong đó tiền lãi theo quy định Nhà nước là 797.260 đồng, tiền lãi vượt quá quy định là 57.202.740 đồng. Quá trình vay, chị T đã trả cho Nguyễn Đăng Á 30.000.000 đồng tiền gốc.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có tại hồ sơ cũng như tang vật thu hồi được. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Đăng Á đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đăng Á phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

*[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; căn cứ quyết định hình phạt:*

Bị cáo Nguyễn Đăng Á không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đăng Á gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú ổn định nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là đủ sức răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, tu dưỡng thành người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên đây, sau khi cân nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức án Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[4] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:*

Bị cáo là người làm nghề buôn bán, có thu nhập nên căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Á số tiền 50.000.000 đồng. Do đã áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đăng Á.

*[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

- Số tiền 45.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Đăng Á sử dụng cho vay lãi nặng nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong đó bị cáo **Nguyễn Đăng Á phải nộp 30.000.000 đồng, chị Trần Thị Thu T phải nộp 15.000.000 đồng.**

- Số tiền lãi 797.260 đồng bị cáo Nguyễn Đăng Á thu lợi (tương ứng lãi suất 20%/năm) là do phạm tội mà có nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, Model Play50, màu xanh tím than, số Imei1: 358069241891194, số Imei2: 358069242091190, bên trong có sim số 0376095939 là phương tiện bị cáo Nguyễn Đăng Á dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền lãi 57.202.740 đồng bị cáo Nguyễn Đăng Á thu lợi (vượt quá mức lãi suất 20%/năm) là số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị T nên truy thu để trả lại cho chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY352909 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 06/8/2015, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM292954 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 26/7/2013 và 01 Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 12282/QĐ-UBND do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 30/12/2016 là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn Nhân và bà Lê Thị T; 01 Chiếc điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei1: 351671340888158, Imei2: 351671345888153, bên trong có sim số 0822752944 là tài sản của chị Trần Thị Thu T nên cần trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*[7] Về xem xét trách nhiệm của những người liên quan:*

Trong vụ án này, bà Trần Thị T (vợ Nguyễn Đăng Á) là người đã đưa cho Á số tiền 20.000.000 đồng, sau đó Á cho chị T vay với lãi suất cao; ông Lê Văn Nhân và bà Lê Thị T là người có tên trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị T đã đưa cho Nguyễn Đăng Á; chị Trần Lê T Thảo là người đã ký tên vào giấy vay tiền do Nguyễn Đăng Á viết. Quá trình điều tra xác định những người này không biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Nguyễn Đăng Á với chị T nên không phải chịu trách nhiệm.

*[8] Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:*



Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Ân phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Ân 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản án, quyết định thi hành án của Tòa án.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ giao bị cáo Nguyễn Đăng Ân cho UBND xã L, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện thủ tục theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đăng Ân số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

**2.** Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đăng Ân số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và chị Trần Thị Thu T số tiền gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) bị cáo Nguyễn Đăng Ân đã sử dụng phạm tội để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đăng Ân số tiền lãi 797.260 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi đồng) đã thu lợi tương ứng lãi suất 20%/năm để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đăng Ân số tiền lãi 57.202.740 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm linh hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng) đã thu lợi vượt quá lãi suất 20%/năm để trả lại cho chị Trần Thị Thu T.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, Model Play50, màu xanh tím than, số Imei1: 358069241891194, số Imei2: 358069242091190, bên trong có sim số 0376095939.

- Trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY352909 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 06/8/2015, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM292954 do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 26/7/2013 và 01 Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số 12282/QĐ-UBND do UBND huyện Đức Thọ cấp ngày 30/12/2016 cho ông Lê Văn Nhân và bà Lê Thị T.

- Trả lại 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105, màu đen, số Imei1: 351671340888158, Imei2: 351671345888153, bên trong có sim số 0822752944 cho chị Trần Thị Thu T.

Đặc điểm các vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Thọ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ lưu tại hồ sơ vụ án.

**3.** Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3, Điều 6, Khoản 1 Điều 21, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Đăng Á phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/02/2022.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- CQCSĐT Công an Đức Thọ;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; lưu trữ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**  
**Nguyễn Huy Trọng**